

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

003  
T  
C  
Y  
L  
N  
V  
VIN

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Triều	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

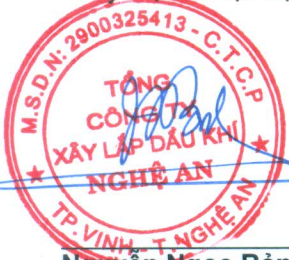
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



---

**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**  
Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2021



Số: 033101/2021/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ và số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Theo Báo cáo kiểm toán số 0505/2020/BCTC-KTV/HN ký ngày 12 tháng 05 năm 2020 Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty. Do hạn chế phạm vi kiểm toán cũng như bản chất hạch toán kế toán, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp đối với số dư đầu kỳ và số liệu so sánh. Theo đó, Chúng tôi từ chối đưa ra ý kiến nhận xét về số dư đầu kỳ và số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn của khách hàng, Phải thu dài hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn, Phải trả ngắn hạn khác, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và Phải trả dài hạn. Công ty chưa thực hiện xác nhận vốn đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ và đầu tư tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi vẫn chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị các khoản công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 31.473.474.016 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 281.194.388.868 đồng. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng về phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Do chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2020, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như ảnh hưởng khoản mục này tới các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trong năm 2020, Công ty chưa thực hiện các Ước tính kế toán và hạch toán vào Báo cáo tài chính các nghiệp vụ:

- Ước tính và phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn;
- Trích khấu hao tài sản cố định hữu hình;
- Ước tính và hạch toán chi phí lãi vay;
- Ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính và trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Trích trước chi phí phải trả ghi nhận giá vốn đối với công trình nhà máy điện Vũng Áng.

Các vấn đề trên có tính chất lan tỏa tới tất cả các khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 05 năm 2020.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Lê Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2020-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>414.106.072.084</b>	<b>436.219.794.321</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>727.636.383</b>	<b>549.865.262</b>
1. Tiền	111		727.636.383	549.865.262
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>356.126.010.736</b>	<b>350.892.581.247</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	112.274.266.632	105.997.403.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	38.732.962.552	38.805.747.952
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.618.384.771	10.618.384.771
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	26.880.319.116	26.880.319.116
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	200.759.786.022	201.730.433.913
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(33.139.708.357)	(33.139.708.357)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>57.137.585.503</b>	<b>83.706.531.299</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.137.585.503	83.706.531.299
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>114.839.462</b>	<b>1.070.816.513</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.937.716	62.937.716
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.901.746	1.007.878.797
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117.569.949.580</b>	<b>129.402.945.580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>102.721.706.134</b>	<b>114.554.702.134</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	100.580.526.000	112.413.522.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.141.180.134	2.141.180.134
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.133.306.901</b>	<b>11.133.306.901</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.133.306.901	11.133.306.901
- Nguyên giá	222		30.067.489.641	30.067.489.641
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.934.182.740)	(18.934.182.740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.496.038.220	1.496.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.496.038.220)	(1.496.038.220)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.090.113.570</b>	<b>1.090.113.570</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.090.113.570	1.090.113.570
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.956.822.975</b>	<b>1.956.822.975</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	1.956.822.975	1.956.822.975
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>668.000.000</b>	<b>668.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		668.000.000	668.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>531.676.021.664</b>	<b>565.622.739.901</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>565.575.775.563</b>	<b>598.241.021.033</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>445.579.546.100</b>	<b>447.321.078.811</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	121.369.976.353	121.424.976.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	86.357.098.651	130.665.866.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.099.602.344	14.729.999.509
4. Phải trả người lao động	314		6.485.401.796	6.436.277.009
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	31.030.716.616	9.526.402.273
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		10.801.668.182	10.801.668.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	119.986.721.071	93.845.771.532
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	39.345.410.496	39.778.267.068
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.102.950.591	20.111.850.591
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119.996.229.463</b>	<b>150.919.942.222</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	119.996.229.463	150.919.942.222
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(33.899.753.899)</b>	<b>(32.618.281.132)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(33.899.753.899)</b>	<b>(32.618.281.132)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	23.453.682.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(281.194.388.868)	(279.912.916.101)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(279.912.916.101)	(278.583.031.371)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.281.472.767)	(1.329.884.730)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>531.676.021.664</b>	<b>565.622.739.901</b>



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc  
Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.562.918.458	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	47.562.918.458	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.088.260.139	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(525.341.681)	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		148.981	184.347
7. Chi phí tài chính	22		-	45.000.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	45.000.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	756.280.067	1.647.907.176
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.281.472.767)	(1.692.722.829)
11. Thu nhập khác	31		-	1.123.152.299
12. Chi phí khác	32		-	754.988.401
13. Lợi nhuận khác	40		-	368.163.898
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.281.472.767)	(1.324.558.931)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	5.325.799
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.281.472.767)	(1.329.884.730)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(59)	(61)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(59)	(61)



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc  
Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Phúc  
Kê toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(1.281.472.767)	(1.324.558.931)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(148.981)	(184.347)
Chi phí lãi vay	06	-	45.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.281.621.748)	(1.279.743.278)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	7.555.841.524	16.447.433.808
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	26.568.945.796	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(32.217.388.898)	(13.725.722.934)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.000.000)	(45.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>610.776.674</b>	<b>1.396.967.596</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.658.763.082
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(148.981)	184.347
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(148.981)</b>	<b>2.658.947.429</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	220.000.000	4.500.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(652.856.572)	(4.350.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(432.856.572)</b>	<b>(4.345.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>177.771.121</b>	<b>(289.584.975)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	549.865.262	839.450.237
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	727.636.383	549.865.262



**Nguyễn Ngọc Băng**  
Tổng Giám đốc  
Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Văn Phúc**  
Kê toán trưởng

**Nguyễn Văn Phúc**  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

**Hoạt động chính của Công ty:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu; và
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị dầu khí Cửa Lò	Nghệ An	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Hà Tĩnh	Nghệ An	Xây dựng nhà, công trình giao thông thủy lợi

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Văn phòng	Nghệ An
2	Xí nghiệp 2	Nghệ An
3	Xí nghiệp 4	Nghệ An
4	Xí nghiệp 5	Nghệ An
5	Xí nghiệp 6	Nghệ An
6	Xí nghiệp 7	Nghệ An
7	Xí nghiệp 8	Nghệ An
8	Xí nghiệp 9	Nghệ An
9	Xí nghiệp Hưng Đông	Nghệ An
10	Ban QLKT Tòa nhà Chung cư dầu khí Trường Thi	Nghệ An
11	Xí nghiệp Khai thác đá Hà Tĩnh	Nghệ An
12	Chi nhánh Hà Tĩnh	Nghệ An
13	Ban Quản lý dự án Quang Trung	Nghệ An
14	Ban điều hành Vũng Áng	Nghệ An

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 76.510.313.984 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 281.372.178.614 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	375.103.347	198.395.331
Tiền gửi ngân hàng	352.533.036	351.469.931
<b>Cộng</b>	<b>727.636.383</b>	<b>549.865.262</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2	8.036.087.000	8.036.087.000
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na- Công ty CP Thủy điện Hòa Na	1.587.068.114	1.587.068.114
Khách mua chung cư tòa nhà dầu khí	2.025.562.000	2.025.562.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	2.106.049.522	2.106.049.522
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (i)	61.483.563.915	55.206.771.001
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	37.035.936.081	37.035.866.215
<b>Cộng</b>	<b>112.274.266.632</b>	<b>105.997.403.852</b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (i)	100.580.526.000	112.413.522.000
<b>Cộng</b>	<b>100.580.526.000</b>	<b>112.413.522.000</b>

(i) Trong năm 2015, Công ty bán cổ phần tại Công ty cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PX1) cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Tiền bán cổ phần được thanh toán trong vòng 15 năm, mỗi năm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền hàng kỳ là 986.083.000 đồng.

**3. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh	4.267.440.461	4.267.440.461
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	2.119.354.500	2.119.354.500
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Trung tâm Công nghệ ĐT và HT việc làm - Đại học Quốc gia Hà Nội	1.691.669.667	1.691.669.667
Công ty CP Xây dựng & Đầu tư Phát triển Hạ tầng số 6	1.279.356.479	1.279.356.479
Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí số 1	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	26.125.307.446	26.198.092.846
<b>Cộng</b>	<b>38.732.962.552</b>	<b>38.805.747.952</b>
<b>b. Trả trước cho các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	<b>6.517.274.460</b>	<b>6.517.274.460</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An (*)	1.977.044.116	1.977.044.116
- Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An (*)	18.029.000.000	18.029.000.000
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí NA (*)	4.208.088.307	4.208.088.307
- Công ty CP PV LAND (*)	100.000.000	100.000.000
- Cho vay các đối tượng khác (*)	2.566.186.693	2.566.186.693
<b>Cộng</b>	<b>26.880.319.116</b>	<b>26.880.319.116</b>

(\*) Các khoản tiền vay ngắn hạn các Công ty và cá nhân với thời gian dưới 12 tháng và lãi suất cho vay dựa trên lãi suất thị trường tại từng thời điểm vay.

**5. Phải thu khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	8.649.872.137	8.687.539.886
Phải thu các nhà thầu phụ dự án KCN Hoàng Mai	81.695.936.313	81.695.936.313
Các khoản phải thu khác	110.413.977.572	111.346.957.714
<b>Cộng</b>	<b>200.759.786.022</b>	<b>201.730.433.913</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu về hợp tác đầu tư (i)	2.141.180.134	2.141.180.134
<b>Cộng</b>	<b>2.141.180.134</b>	<b>2.141.180.134</b>

(\*) Các khoản đầu tư theo các Hợp đồng góp vốn đầu tư của Công ty và Công ty Mía đường Sông Lam. Theo từng hợp đồng, Công ty góp vốn cho Công ty CP Mía đường Sông Lam thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dự án Khu nhà ở liền kề tại xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Đối lại, Công ty được quyền mua các lô đất thuộc dự án này.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu-khí Nghệ An	35.547.795.563	-	33.139.708.357	35.547.795.563	-	33.139.708.357
Đội Xây dựng số 1 cũ	13.282.277.553	-	-	13.282.277.553	-	-
Đội Xây dựng số 5	12.923.012.228	-	-	12.923.012.228	-	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng DK Nghệ An	11.613.167.663	-	-	11.613.167.663	-	-
Công ty CP Xi măng dầu khí 12/9 Nghệ An	8.036.087.000	-	-	8.036.087.000	-	-
Thu tiền mua CP tại CTY TNHH VLXD Dầu khí NA	7.812.152.000	-	-	7.812.152.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	5.153.069.383	-	-	5.153.069.383	-	-
Các khoản phải thu khác	55.796.347.059	-	-	55.796.347.059	-	-
<b>Cộng</b>	<b>150.163.908.449</b>	<b>-</b>	<b>33.139.708.357</b>	<b>150.163.908.449</b>	<b>-</b>	<b>33.139.708.357</b>

(\*) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không thể xác định được khả năng thu hồi được số công nợ nêu trên.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.939.882.672	-	2.939.882.672	-
Công cụ, dụng cụ	113.222.867	-	113.222.867	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.364.594.365	-	77.933.540.161	-
Thành phẩm	1.597.332.798	-	1.597.332.798	-
Hàng hoá	1.122.552.801	-	1.122.552.801	-
<b>Cộng</b>	<b>57.137.585.503</b>	<b>-</b>	<b>83.706.531.299</b>	<b>-</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	15.259.571.288	1.001.787.064	944.454.604	5.885.691.897	6.975.984.788	30.067.489.641
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.259.571.288</b>	<b>1.001.787.064</b>	<b>944.454.604</b>	<b>5.885.691.897</b>	<b>6.975.984.788</b>	<b>30.067.489.641</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	6.362.544.118	905.804.745	944.454.604	4.710.397.557	6.010.981.716	18.934.182.740
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.362.544.118</b>	<b>905.804.745</b>	<b>944.454.604</b>	<b>4.710.397.557</b>	<b>6.010.981.716</b>	<b>18.934.182.740</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	8.897.027.170	95.982.319	-	1.175.294.340	965.003.072	11.133.306.901
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.897.027.170</b>	<b>95.982.319</b>	<b>-</b>	<b>1.175.294.340</b>	<b>965.003.072</b>	<b>11.133.306.901</b>

Giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản vay của ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng.

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 14.496.528.459 đồng (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 là 14.496.528.459 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	1.496.038.220	1.496.038.220
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.496.038.220</b>	<b>1.496.038.220</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	1.496.038.220	1.496.038.220
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.496.038.220</b>	<b>1.496.038.220</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Dự án khu nhà ở liền kề và khách sạn tại Quỳnh Hợp	1.015.007.615
Các dự án khác	75.105.955	75.105.955
<b>Cộng</b>	<b>1.090.113.570</b>	<b>1.090.113.570</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	3.575.532.105
Công ty CP Xi măng Sông Lam 2	36.414.704.400	36.414.704.400
Trường ĐH Vinh	3.113.866.000	3.113.866.000
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí NA	2.950.000.000	2.950.000.000
Công ty CP Tuấn Anh	2.610.000.000	2.610.000.000
Công ty CP Dầu khí VIP Việt Nam	7.873.963.335	7.873.963.335
Các khoản người mua trả tiền trước khác	29.819.032.811	29.819.032.811
<b>Cộng</b>	<b>86.357.098.651</b>	<b>130.665.866.294</b>



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	CP	VND	VND	VND	CP	VND	VND	VND
<b>Công ty liên kết</b>								
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	127.490	1.274.895.701	-	-	127.490	1.274.895.701	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh	68.193	681.927.274	-	-	68.193	681.927.274	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.956.822.975</b>	-	-		<b>1.956.822.975</b>	-	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị dầu khí Cửa Lò	Nghệ An	0,58%	49,00%	Kinh doanh khu du lịch, nghỉ dưỡng; khách sạn; du
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Hà Tĩnh	Nghệ An	35,12%	35,12%	Xây dựng nhà, công trình giao thông thủy lợi



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250		34.406.131.250	
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785		12.095.878.785	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498		6.048.450.498	
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.597.481.588		4.597.481.588	
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736		4.211.247.736	
Phải trả nhà cung cấp khác	60.010.786.496		60.065.786.496	
<b>Cộng</b>	<b>121.369.976.353</b>	<b>-</b>	<b>121.424.976.353</b>	<b>-</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250		34.406.131.250	
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785		12.095.878.785	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498		6.048.450.498	
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.597.481.588		4.597.481.588	
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736		4.211.247.736	
Phải trả nhà cung cấp khác	60.010.786.496		60.065.786.496	
<b>Cộng</b>	<b>121.369.976.353</b>	<b>-</b>	<b>121.424.976.353</b>	<b>-</b>

(\*) Tình hình tài chính của Công ty đang gặp khó khăn, không phát sinh doanh thu, lỗ lũy kế lớn và âm vốn điều lệ. Do đó, Công ty không thể đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ này.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	80.815.233	4.808.826.014	7.434.667.662	2.706.656.881
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	206.293.283	206.293.283
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(492.806.890)	987.035.000	1.479.841.890
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.018.787.111	43.013.005	361.433.349	10.337.207.455
<b>Cộng</b>	<b>10.099.602.344</b>	<b>4.359.032.129</b>	<b>8.989.429.294</b>	<b>14.729.999.509</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	27.596.987.660	6.077.673.317
Chi phí lãi vay	3.433.728.956	3.448.728.956
<b>Cộng</b>	<b>31.030.716.616</b>	<b>9.526.402.273</b>

**16. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	245.636.628	245.636.628
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	5.253.366.231	5.253.366.231
Các khoản phải trả, phải nộp khác	114.487.718.212	88.346.768.673
- Phải trả về mua cổ phần {i}	49.853.730.206	23.851.279.444
- Phải trả các khoản chi hộ	49.445.828.127	53.927.122.750
- Các khoản phải trả khác	15.188.159.879	10.568.366.479
<b>Cộng</b>	<b>119.986.721.071</b>	<b>93.845.771.532</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phải trả về mua cổ phần {i}	106.687.515.965	137.611.228.724
IDICO Long Sơn	3.871.126.132	3.871.138.382
Kinh phí đào tạo	5.950.696.918	5.950.696.918
Phải trả dài hạn khác	3.486.890.448	3.486.878.198
<b>Cộng</b>	<b>119.996.229.463</b>	<b>150.919.942.222</b>

{i} Theo Hợp đồng về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An giữa Công ty và Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai, toàn bộ số tiền thu được từ chuyển nhượng này sẽ được trả dần cho Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Việc trả tiền tiền cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam sẽ theo tiến độ Công ty thu tiền từ Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Trong đó, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí – IDICO Long Sơn thu hồi khoản này).



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (i)	21.538.068.556	21.538.068.556	-	634.871.223	22.172.939.779	22.172.939.779
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (ii)	2.939.354.716	2.939.354.716	-	-	2.939.354.716	2.939.354.716
Vay cá nhân (iii)	14.867.987.224	14.867.987.224	220.000.000	17.985.349	14.665.972.573	14.665.972.573
<b>Cộng</b>	<b>39.345.410.496</b>	<b>39.345.410.496</b>	<b>220.000.000</b>	<b>652.856.572</b>	<b>39.778.267.068</b>	<b>39.778.267.068</b>

- (i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng, nhằm trả tiền chuyển nhượng cổ phần. Khoản vay này chịu lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (ii) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (tiền thân là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12 tháng 08 năm 2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (iii) Vay cá nhân có thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(278.583.031.371)	(31.288.396.402)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(1.329.884.730)	(1.329.884.730)
Số dư tại ngày đầu năm nay	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(279.912.916.101)	(32.618.281.132)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(1.281.472.767)	(1.281.472.767)
Số dư tại ngày cuối năm nay	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(281.194.388.868)	(33.899.753.899)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.846.000	21.846.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.846.000	21.846.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.846.000	21.846.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.846.000	21.846.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>47.562.918.458</b>	-
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	48.088.260.139	-
- Giảm trừ quyết toán công trình xây lắp	(525.341.681)	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.562.918.458</b>	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	48.088.260.139	-
<b>Cộng</b>	<b>48.088.260.139</b>	-

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.021.038.863	1.148.336.491
Chi phí vật liệu quản lý	14.084.063	29.535.695
Thuế, phí, lệ phí	(479.806.890)	13.000.000
Dịch vụ mua ngoài	157.028.223	39.665.027
Chi phí bằng tiền khác	43.935.808	417.369.963
<b>Cộng</b>	<b>756.280.067</b>	<b>1.647.907.176</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(1.281.472.767)	(1.329.884.730)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.281.472.767)	(1.329.884.730)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	21.846.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(59)	(61)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

**5. Chi phí theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.084.063	29.535.695
Chi phí nhân công	1.021.038.863	1.148.336.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.196.535.676	39.665.027
Chi phí khác bằng tiền	43.935.808	430.369.963
<b>Cộng</b>	<b>22.275.594.410</b>	<b>1.647.907.176</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam  
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Công ty CP đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh	4.267.440.461	4.267.440.461
<b>Cộng</b>	<b>6.517.274.460</b>	<b>6.517.274.460</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	22.172.939.779	22.172.939.779
<b>Cộng</b>	<b>22.172.939.779</b>	<b>22.172.939.779</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Trả tiền vay</b>		
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	634.871.223	-
<b>Cộng</b>	<b>634.871.223</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	93.603.376	149.468.440
Thu nhập Hội đồng quản trị	111.965.909	69.984.090
<b>Cộng</b>	<b>205.569.285</b>	<b>219.452.530</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Ngọc Bảng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 03 năm 2021

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Văn Phúc  
Người lập

